

BẢNG KÊ LÂM SẢN

1. Thông tin chủ lâm sản:

- Tên chủ lâm sản(4): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GỖ ĐẠI HỒNG PHÁT
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKKHĐ/CCCD/CMND/HC(5): 3603933474
- Địa chỉ(6): Số 68, Ấp Tân Phát, Xã An Viễn, Thành Phố Đồng Nai, Việt Nam
- Số điện thoại: 0786593879, Địa chỉ Email: daihongphat0379@gmail.com

2. Thông tin tổ chức, cá nhân mua/nhận chuyển giao quyền sở hữu:

- Tên tổ chức, cá nhân(4):
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKKHĐ/CCCD/CMND/HC(5):
- Địa chỉ(6):
- Số điện thoại:, Địa chỉ Email:

3. Thông tin về lâm sản:

- Tên loài (tên khoa học, tên tiếng Việt/tên thương mại): Acacia Mangium, keo lai
- Nhóm loài (Thông thường; Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; Phụ lục CITES): Thông thường
- Nguồn gốc(7): Khai thác trong nước, từ rừng trồng
- Khối lượng/trọng lượng (bằng số và chữ:...); Đơn vị tính (m3, kg, ster, lít, mililit): m3 (bằng chữ: mét khối)
- Số lượng (bằng số và chữ); Đơn vị tính (lóng, khúc, thanh, tấm, hộp, viên,.....) thanh (bằng chữ: thanh)
- Thông tin về lô khai thác(8): Tiểu khu 155, Khoảnh 6, Lô 17A
X: 105.496004 E; Y: 18.403465 N
X: 105.496404 E; Y: 18.402582 N
X: 105.496700 E; Y: 18.403233 N
X: 105.495905 E; Y: 18.402955 N
- Thông tin khác có liên quan (nếu có): Gỗ tròn keo lai (Acacia Mangium) FSC ®100%

4. Thông tin chi tiết tại Bảng kê khai kèm theo: (Áp dụng đối với gỗ nguyên liệu, sản phẩm gỗ: khai thác từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, thuộc Phụ lục CITES. Động vật rừng thông thường, động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm, động vật, Phụ lục CITES):

5. Thông tin vận chuyển (nếu có):

Biển kiểm soát/số hiệu phương tiện: 60H-14087
Thời gian vận chuyển: ngày; từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm
Vận chuyển từ: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GỖ ĐẠI HỒNG PHÁT đến:
Số hóa đơn kèm theo: Số ngày tháng năm 2026

6. Hồ sơ kèm theo (nếu có):

Chúng tôi/Tôi cam kết những nội dung kê khai trong bảng kê này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực của thông tin/.

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN LẬP BẢNG KÊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo Bảng kê lâm sản số: DHP -/BKLS lập ngày)

Thông tin chi tiết đối với gỗ nguyên liệu:

TT	Số hiệu/nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/tám/lóng)	Khối lượng/trọng lượng (m ³ hoặc kg, lít, mililit)	Ghi chú
		Tên tiếng việt/ tên thương mại	Tên tiếng anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài (10)	Dày	Rộng	Dài			
1		Gỗ keo (tràm) xẻ sấy		Acacia Mangium	Thông thường						
2					Thông thường						
3					Thông thường						
4					Thông thường						
5					Thông thường						
6					Thông thường						
Tổng											